TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **152**/2025/DS-ST
Ngày: 19-6-2025
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên
2. Bà Vương Thị Khánh Loan

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Trọng Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thuý Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 1122/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2025/QĐXX-ST ngày 30/5/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 1558/2025/QĐST-DS ngày 09/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Phạm Minh D, sinh năm 1989;**

Địa chỉ: Số 396, Khu phố 2, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng Công chứng Nguyễn Thành, tỉnh Đồng Nai chứng nhận ngày 30/10/2024, số công chứng 004337 quyển 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD): Ông Trần Trung N, sinh năm 2000; địa chỉ liên hệ: Bùi Trọng Nghĩa, khu phố A, phường T, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: **Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1993;**

Địa chỉ: Tổ 28, Khu phố A, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai;

(Ông N có mặt; ông Hoàng Văn H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2023, các bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Minh D trình bày:

Ông Phạm Minh D và ông Hoàng Văn H từ lâu đã có mối quan hệ trong công việc với nhau. Từ giữa năm 2022, ông Hoàng Văn H cần vốn để đầu tư bất động sản, nhận thấy ông D có thu nhập ổn định, bền vững, ông H ngỏ ý định muốn vay một số tiền của ông D để đầu tư. Vì mối quan hệ thân tình cộng việc ông D muốn giúp ông H. Vì vậy cuối năm 2022, ông D bàn bạc với ông H việc ông D đồng ý giúp đỡ ông H với số tiền 1.110.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một tỉ một trăm mười triệu Việt Nam đồng). Khoản vay này ông D cho ông H vay bằng hai đợt với hai phương thức khác nhau:

Thứ nhất, đợt 1 số tiền ông D cho ông H vay là 950.000.000 VNĐ (bằng chữ: Chín trăm năm mươi triệu Việt Nam đồng). Khoản vay này ông D tiến hành cho vay bằng cả hai hình thức tiền mặt và chuyển khoản (có đính kèm sao kê ngân hàng). Đối với hình thức chuyển khoản ông D chuyển tiền trực tiếp vào số tài khoản: 0121000763358 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) chủ tài khoản tên Hoàng Văn H. Cụ thể các đợt ông D chuyển khoản cho ông H vay như sau:

Đợt 1: 26/10/2022 chuyển 300.000.000 VNĐ liệt kê tại trang 54 Hàng thứ 03

Đợt 2: 19/11/2022 chuyển 100.000.000 VNĐ liệt kê tại trang 61 Hàng thứ 03

Đợt 3: 28/11/2022 chuyển 30.000.000 VNĐ liệt kê tại trang 63 Hàng thứ 07

Đợt 4: 29/11/2022 chuyển 68.000.000 VNĐ liệt kê tại trang 63 Hàng thứ 09

Đợt 5: 05/01/2023 chuyển 95.000.000 VNĐ liệt kê tại trang 72 Hàng thứ 01

Đợt 6: 19/01/2023 chuyển 42.500.000 VNĐ liệt kê tại trang 76 Hàng thứ 08

Tổng 635.500.000 VNĐ (Sáu trăm ba mươi lăm triệu năm trăm ngàn Việt Nam đồng).

Tất cả các liệt kê chuyển khoản kể trên, tại phần nội dung chuyển khoản ông D đều thể hiện các nội dung ông D chuyển khoản tiền cho ông H vay. Đối với số

tiền mặt còn lại tại khoản vay này là 314.500.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba trăm mười bốn triệu năm trăm ngàn Việt Nam đồng), ông D bàn giao tiền mặt trực tiếp cho ông H. Ông H kiểm tra tiền đầy đủ trước sự chứng kiến của ông D.

Tại đợt vay thứ 2, đối với khoản vay còn lại là 160.000.000 VNĐ (Bằng chữ: một trăm sáu mươi triệu đồng) ông D tiến hành giao cho ông H vay bằng hình thức tiền mặt. Ông H kiểm tra tiền đầy đủ trước sự chứng kiến của ông D.

Tổng số tiền ông D cho ông H vay là 1.110.000.000 VNĐ (Băng chữ: Một tỉ một trăm mười triệu Việt Nam đồng), được thể hiện bằng Hợp đồng vay tiền có số công chứng 1666, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Thống Nhất chứng nhận vào ngày 22/5/2023 thời hạn vay 06 (sáu) tháng, kể từ ngày vay 22/05/2023 đến ngày 21/11/2023. Lãi suất do hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ (tức ngày 21/11/2023), ông Hoàng Văn H không trả tiền. Ông D đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu ông H thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nhưng ông H trốn tránh, từ chối tiếp nhận cuộc gọi từ ông D và không gặp mặt để giải quyết vấn đề. Đến nay, thời hạn vay tiền đã quá lâu mà ông H không thanh toán tiền cho ông D. Việc ông H không trả tiền gây ảnh hưởng đến việc kinh doanh và làm cuộc sống gia đình ông D bị xáo trộn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử buộc ông Hoàng Văn H có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Tiền nợ gốc: 1.110.000.000 VNĐ (bằng chữ: một tỷ một trăm mười triệu đồng).

Tiền lãi tạm tính từ ngày 22/11/2023 đến ngày xét xử 19/6/2025 (18,5 tháng) là: 1.110.000.000 VNĐ x 10%/năm x 18,5 tháng = 171.125.000VNĐ (một trăm bảy mươi mốt triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi mà ông Hoàng Văn H phải thanh toán cho ông Phạm Minh D là 1.281.125.000VNĐ (bằng chữ: một tỷ, hai trăm tám mươi mốt triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Bị đơn ông Hoàng Văn H đã được Toà án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến tại phiên toà:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, các bản tự khai của đại diện nguyên đơn, lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa chỉ có căn cứ thể hiện số tiền gốc mà nguyên đơn cho bị đơn vay là 950.000.000 đồng. Về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm từ khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ là ngày 22/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (nguyên đơn tự nguyện tính 18,5 tháng) là có cơ sở. Vì vậy, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền gốc 950.000.000 đồng và lãi suất 10%/tháng của số tiền gốc này tạm tính từ khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

+ Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Minh D nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Văn H, địa chỉ: Tổ 28, Khu phố 4, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai trả cho ông số tiền mà ông H đã vay, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Phạm Minh D được xác định là nguyên đơn, ông Hoàng Văn H được xác định là bị đơn; quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; bị đơn cư trú tại thành phố Biên Hoà nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Về thủ tục tố tụng khác: Bị đơn ông Hoàng Văn H, địa chỉ: Tổ 28, Khu phố 4, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai có đăng ký thường trú tại địa phương nhưng đã bán nhà, bỏ đi khỏi địa phương, đi đâu địa phương không nắm rõ (bút lục 72), ông H đã được Toà án tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để biết thông tin tham gia giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên toà, không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với khoản tiền vay gốc:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện, các lời khai của đại diện nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ thu thập được tại hồ sơ thấy: Nguyên đơn là ông Phạm Minh D yêu cầu bị đơn là ông Hoàng Văn H phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ là: 1.281.125.000 đồng (bằng chữ: một tỷ, hai trăm tám mươi mốt triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Trong đó: Nợ gốc: 1.110.000.000 đồng (bằng chữ: một tỷ một trăm mười triệu đồng) và nợ lãi tạm tính từ ngày 22/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/6/2025 (nguyên đơn tự nguyện tính 18,5 tháng) = 1.110.000.000 đồng x 10%/năm x 18,5 tháng = 171.125.000 đồng do bị đơn vi phạm thời gian trả nợ theo hợp đồng vay mà hai bên đã ký kết.

Tại bút lục 79-80 thể hiện, vào ngày 22/5/2023 giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết Hợp đồng vay tiền, hợp đồng này đã được Văn phòng Công chứng Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai chứng nhận ngày 22/5/22023, số công chứng 1666, quyển 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Hợp đồng tuân thủ các điều kiện theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực đối với các bên tham gia giao kết. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng thì ông Phạm Minh D (bên A) có cho ông Hoàng Văn H (bên B) vay số tiền gốc 1.110.000.000 VNĐ (một tỷ, một trăm mười triệu đồng); thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 22/5/2023 đến ngày 21/11/2023; Lãi suất: Do hai bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật; Việc giao trả, chuyển tiền vay do hai bên tự thực hiện nằm ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Tại phần cuối của hợp đồng đánh máy, bên dưới phần ký tên của hai bên, bị đơn ông H có ghi dòng chữ bằng bút mực: "*Hôm nay, ngày 22/5/2023, tôi Hoàng Văn H... có mượn anh Phạm Minh D số tiền 950.000.000đ (chín trăm năm mươi triệu đồng). Tôi đã nhận đủ số tiền nêu trên".* Nội dung này không thống nhất với số tiền vay thể hiện trọng hợp đồng là 1.110.000.000 đồng (một tỷ, một trăm mười triệu đồng). Trong quá trình tố tụng, tòa án yêu cầu nguyên đơn làm rõ nội dung này và cung cấp tài liệu

chứng cứ về việc giao nhận số tiền 160.000.000 đồng còn lại (bút lục 76-78). Tuy nhiên nguyên đơn cho rằng, giữa hai bên là bạn bè, làm ăn chung với nhau nên việc nguyên đơn giao số tiền 160.000.000 đồng này cho bị đơn bằng tiền mặt ngay tại buổi công chứng hợp đồng, nên nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ về việc giao nhận tiền để cung cấp cho Tòa án (bút lục 74-75).

Nguyên đơn cho rằng tại Điều 6 của Hợp đồng vay thể hiện: *"Bên A cam kết đã giao đủ số tiền vay trên cho bên B", "Bên B cam kết đã nhận đủ số tiền vay do bên A giao"*, chứng tỏ nguyên đơn đã giao đủ tiền 1.110.000.000 VNĐ cho bị đơn. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả đủ số tiền vay thể hiện trong hợp đồng là 1.110.000.000 VNĐ (một tỷ, một trăm mười triệu đồng). Tuy nhiên, cũng tại Điều 6 Hợp đồng thể hiện nội dung: *"Việc giao trả, chuyển tiền vay do hai bên tự thực hiện nằm ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật"*. Việc giao, nhận tiền giữa hai bên là nằm ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên nên trường hợp này nghĩa vụ chứng minh việc giao tiền thuộc về nguyên đơn theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong suốt quá trình tố tụng, nguyên đơn không có chứng cứ thể hiện bị đơn có nhận số tiền 160.000.000 đồng. Hơn nữa, trong hợp đồng bị đơn đã viết tay nội dung: chỉ vay của nguyên đơn số tiền 950.000.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng vì chỗ bạn bè làm ăn chung, chỉ giao bằng tiền mặt nên không lập biên bản giao nhận tiền đối với số tiền 160.000.000 đồng. Lời khai này của nguyên đơn là không phù hợp vì với số tiền vay trước đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ký Hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng, nhưng đối với số tiền vay 160.000.000 đồng lại không lập biên bản giao nhận tiền. Vì nguyên đơn không chứng minh được đã giao số tiền vay 160.000.000 đồng cho bị đơn trên thực tế nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền này cho nguyên đơn, mà chỉ có căn cứ chấp nhận buộc bị đơn trả số tiền vay gốc là 950.000.000 đồng (chín trăm năm mươi triệu đồng).

[2.2] Đối với tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày vi phạm 22/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/6/2025 (đại diện nguyên đơn tự nguyện tính là 18,5 tháng) đối với số tiền gốc là 1.110.000.000 đồng. Việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận về mức lãi suất. Như phân tích ở trên, chỉ có căn cứ buộc bị đơn trả số tiền vay gốc là 950.000.000 đồng. Vì vậy, ngoài khoản tiền nợ gốc, bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn số tiền là: 950.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 18,5 tháng = 146.458.333 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 950.000.000 đồng + 146.458.333 đồng = 1.096.485.333 đồng (một tỷ,

không trăm chín mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Trong suốt quá trình tố tụng, Toà án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để bị đơn tham gia quá trình tố tụng tại tòa, nhưng bị đơn vắng mặt, không có lời trình bày, không có yêu cầu phản tố và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ về việc trả nợ cho phía nguyên đơn là tự từ bỏ quyền của mình.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền là 6.750.000 đồng (sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) nguyên đơn tự nguyện chịu, đã nộp đủ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu được chấp nhận trên số tiền 1.096.485.333 đồng. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận trên số tiền 184.639.667 đồng (1.281.125.000đ - 1.096.485.333đ).

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, 157, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết Số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm";

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh D đối với bị đơn ông Hoàng Văn H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Hoàng Văn H trả cho ông Phạm Minh D số tiền nợ vay tạm tính từ ngày 22/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 1.096.485.333 đồng (một tỷ, không trăm chín mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng). Trong đó: tiền gốc là 950.000.000đ; tiền lãi là 146.458.333 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Hoàng Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 44.894.560 đồng (bốn mươi bốn triệu, tám trăm chín mươi tư nghìn, năm trăm sáu mươi đồng).

Ông Phạm Minh D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.232.000 (chín triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn đồng). Số tiền này được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 24.975.000 đồng (hai mươi bốn triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004821 ngày 19/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà. Hoàn trả cho ông D số tiền 15.743.000 đồng (mười lăm triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn dồng) tạm ứng án phí còn dư.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền là 6.750.000 đồng (sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) nguyên đơn tự nguyện chịu, đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- *Mẫu 52-NQ 01/2017.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Phú Tra